

CERTIFICATE OF FREE SALE

We herewith certify that the products listed below are manufactured according to the Quality Standards ISO 9001 and ISO 13485 by:

B Medical Systems S.à r.l.
17 Op der Hei
L-9809 Hosingen

and are legally distributed in Luxembourg in accordance with the statutory requirements. The products may be legally exported from Luxembourg provided the destination country specific regulatory requirements are fulfilled. This Certificate of Free Sale cannot be taken as endorsement of any product referred hereto.

Plasma contact shock freezers:

MBF 12, MBF 21, MBF 42

Plasma storage freezers, blood storage refrigerators, laboratory refrigerators and freezers, ultracold freezers and transport boxes:

FR110G, FR110GG, FR250G, FR250G RSM, FR410G, FR410G RSM, FR490G, FR490G RSM, FR750G, FR750G RSM, DFR110G, DFR110GG, DFR250G, DFR410G, DFR490G, DFR750G
MF110S, MF110SG, MF290S, MF290SG, MF455G, MF755G, MF755GG, DMF110S, DMF110SG, DMF290S, DMF290SG
UF455G, UF455G RSM, UF455GG, UF755G, UF755G RSM, UF755GG
ML135S, ML135SG, ML155S, ML155SG, ML370S, ML370SG, ML380CS, ML380CSG, ML355S, ML670S, ML670SG, ML1430S, ML1430SG
MP135S, MP135SG, MP155S, MP155SG, MP370S, MP370SG, MP380CS, MP380CSG, MP355S, MP670S, MP670SG, MP1430S, MP1430SG
BR110G, BR110GG, BR250G, BR250G RSM, BR250GG, BR410G, BR410G RSM, BR410GG, BR490G, BR490G RSM, BR490GG, BR750G, BR750G RSM, BR750GG
PR110G, PR110GG, PR250G, PR250G RSM, PR250GG, PR410G, PR410G RSM, PR410GG, PR490G, PR490G RSM, PR490GG, PR750G, PR750G RSM, PR750GG
LR110G, LR110GG, LR250G, LR250G RSM, LR250GG, LR410G, LR410G RSM, LR410GG, LR490G, LR490G RSM, LR490GG, LR750G, LR750G RSM, LR750GG
MT 100
MT2, MT4, MT4B, MT8B, MT8V, MT12E, MT25E
MT4 ET+4, MT4 ET+22, MT4 ET+37, MT4 ET-32
MT8 ET+4, MT8 ET+22, MT8 ET+37, MT8 ET-32
MT12 ET+4, MT12 ET+22, MT12 ET+37, MT12 ET-32
MT25 ET+4, MT25 ET+22, MT25 ET+37, MT25 ET-32

Blood Safety:

MB3000G, MRB3000SDD

Vaccine transport boxes, Cold chain refrigerators and icepack freezers:

RCW 1, RCW 2, RCW 4, RCW 8, RCW 12, RCW 25
RCW 42 EG, RCW 42 EK, RCW 50 EG, RCW 50 EK
RCW 42 AC, RCW 42 DC, RCW 50 AC, RCW 50 DC
TCW 3000 AC, TCW 2000 AC, TCW 3000 DC, TCW 2000 DC, TCW 3000 AC, TCW 4000 AC
TCW 3000 SDD, TCW 2000 SDD, TCW 3043 SDD, TCW 2043 SDD, TCW 40 SDD,
TCW40 R SDD, TCW15 SDD, TCW15 R SDD, TFW40SDD
TFW 3000 AC, TFW 800, Health Center Kit

Blood Chain transport boxes, thermostabilizers, compressor refrigerators and icepack freezers:

RCB 4, RCB 8, RCB 12 E, RCB 12 U, RCB 25 E, RCB 25 U, RCB 3000 G
TCM 40 SDD, TCM 2000 SDD, TCM 3000 SDD, MT900

Certified true and correct by Chambre de Commerce of Grand Duchy of Luxembourg.



LE GOUVERNEMENT
DU GRAND-DUCHÉ DE LUXEMBOURG
Ministère des Affaires étrangères
et européennes

Vu au Ministère des Affaires Etrangères et
Européennes pour légalisation de la signature de:

BAUMERT, Tom

apposée sur le
présent acte sous le

numéro: **V-20170810-83728**

attesté à: **Luxembourg**

le: **JEUDI 10 AOÛT 2017**

sceau / timbre: **signature:**



*Mario Wiesen, Préposé du Bureau des
Passports, Visas et Légalisations*



Cette légalisation atteste uniquement la véracité de la signature, la qualité en
laquelle le signataire de l'acte a agi et le cas échéant, l'identité du sceau ou
timbre dont cet acte public est revêtu.
Cette légalisation ne certifie pas le contenu du document pour lequel elle a été émise.



ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI BỈ
EMBASSY OF THE S.R. OF VIETNAM IN BELGIUM

**CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
CONSULAR AUTHENTICATION**

1. Quốc gia **VIỆT NAM**
Country Vietnam
- Giấy tờ, tài liệu này
This public document
2. do Ông (Bà) **Mario Wiesen** ký
has been signed by
3. với chức danh: **Viên chức lãnh sự**
acting in the capacity of Consular Officer
4. và con dấu của **Bộ Ngoại giao và EU Luxembourg**
bears the seal/stamp of

được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự
Certified

5. tại **Brúc-xen** 6. ngày **17 / 08 / 2017**
at the
7. Cơ quan cấp ... **Đại sứ quán Việt Nam tại Bỉ**
by Embassy of the S.R. of Viet Nam in Belgium
8. Số **263 - CNLS/HPH**
N°

TL. Đại sứ/ For the Ambassador
Tùy viên/Attaché



Nguyễn Thị Bích Ngọc

18 31
30 31
08 11